

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN TỬ DŨ**

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BỆNH VIỆN TỬ DŨ
ĐẾN NĂM 2020
TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025**

THÁNG 06 NĂM 2011

1. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện chuyên khoa đầu ngành về Sản Phụ khoa của cả nước, qua hơn 70 năm hình thành và phát triển đến nay bệnh viện Từ Dũ đã trở thành bệnh viện chuyên khoa loại 1 được Bộ Y tế giao nhiệm vụ chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ cho 32 tỉnh và thành phố phía Nam, từ Đà Nẵng đến Cà Mau.

Là thành viên của Trung tâm y tế chuyên sâu thành phố Hồ Chí Minh, song song với nhiệm vụ triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sản phụ khoa thông thường, bệnh viện đã luôn nỗ lực mạnh dạn đầu tư phát triển nhiều kỹ thuật sâu bằng các nguồn kinh phí cho phép và cũng là nơi đầu tiên áp dụng các thành tựu mới trong lĩnh vực sản phụ - phụ khoa ở Việt Nam mang lại nhiều kết quả có ý nghĩa cho sự phát triển của xã hội:

- Phẫu thuật nội soi sản phụ khoa.
- Siêu âm trong sản phụ khoa.
- Phục hồi chức năng trẻ sơ sinh trong bệnh viện Sản.
- Hỗ trợ sinh sản (thụ tinh trong ống nghiệm) thành công với 3 bé đầu tiên ra đời vào ngày 30/4/1998. Đến ngày 30/5/2011 đã có trên 4.000 cháu ra đời bằng phương pháp thụ tinh trong ống nghiệm.
- Nuôi sống trẻ sơ sinh cực non.
- Chẩn đoán tiền sản, xét nghiệm di truyền.

Bên cạnh công tác phát triển các chuyên khoa sâu, bệnh viện luôn duy trì đầy mạnh việc tiếp nhận và chuyên giao tri thức, công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực sản phụ khoa và sơ sinh nhằm giảm tỷ lệ tử vong, tai biến cho mẹ và sơ sinh tại 32 tỉnh thành phía Nam, các tỉnh phía Bắc như Hải Dương, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hải phòng, Thái Bình..., và các quốc gia lân cận (Lào, Kamphuchia, Myanmar...); Là địa chỉ thực tập chuyên môn cho sinh viên và bác sĩ trẻ đến từ các nước Pháp, Đức, Thụy Sĩ, Úc...

Hàng năm bệnh viện đã tổ chức thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở nhằm ứng dụng những tiến bộ khoa học về y học phục vụ cho công tác chuyên môn.

Phát huy truyền thống tốt đẹp qua nhiều thế hệ, bệnh viện đã luôn phấn đấu để giữ vững thành tích đạt được và nhận được nhiều danh hiệu cao quý như:

- Đảng bộ trong sạch vững mạnh liên tục từ năm 1980 đến nay.
- Huân chương Lao Động hạng Ba(1982), Nhì (1985), Nhất (1989).
- Được Nhà nước hai lần phong tặng danh hiệu Anh hùng lao động lần 1 (1985), lần 2 (2002).
- Huân chương Độc lập hạng Ba (1998), hạng Hai (2007).
- Tập thể nữ Bệnh viện được tặng Giải thưởng KOVALEVSKAIA (1998).

Tuy nhiên bên cạnh những thành tựu đạt được nêu trên, bệnh viện cũng còn có một số thách thức lớn như: Việt Nam đã hội nhập với thế giới, tiêu chuẩn về cơ sở vật chất ngày càng phải đúng quy chuẩn, nhu cầu phát triển chuyên môn kỹ thuật trong khám và chữa bệnh ngày càng lớn (kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, phẫu thuật thẩm mỹ, các phương pháp điều trị ít xâm lấn đến người bệnh).

Tóm lại, với trách nhiệm vai trò của một bệnh viện đầu ngành trong lĩnh vực sản phụ khoa, và để luôn xứng đáng với sự tin nhiệm của Bộ Y tế, Ủy Ban Nhân dân thành phố, Sở Y tế và người dân đến khám chữa bệnh, bệnh viện Từ Dũ sẽ tiếp tục nỗ lực củng cố hoàn thiện nhiều hơn nữa trên những kết quả đạt được đồng thời xây dựng kế hoạch phát triển bệnh viện giai đoạn 2011 - 2020 làm cơ sở cho việc phát triển toàn diện và bền vững tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần tích cực vào việc phục vụ tốt nhất cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG BỆNH VIỆN GIAI ĐOẠN 2006 – 2010

2.1 Khám chữa bệnh

Trong những năm qua bệnh viện Từ Dũ đã thực hiện vượt mức các chỉ tiêu về giường bệnh, hoạt động chuyên môn do Sở Y tế giao. Các chỉ tiêu về chỉ số giường bệnh, tổng số lượt bệnh nhân điều trị nội trú và ngoại trú đều cao so với năm 2006. Số giường bệnh nội trú thực hiện năm 2008 tăng 34% so với chỉ tiêu kế hoạch. Đặc biệt tổng số sanh và lượt khám chữa bệnh năm sau luôn cao hơn năm trước từ 7% đến 8%.

<i>Nội dung</i>	<i>Năm 2006</i>	<i>Năm 2008</i>	<i>Năm 2010</i>
Số giường bệnh nội trú	1.541	1.609	1.361
Số giường bệnh ngoại trú	2.843	3.208	3.327
TS lượt người điều trị nội trú	86.794	95.798	86.357
+ Sản, phụ khoa	75.793	82.827	72.107
+ Nhi khoa	11.001	12.971	14.250
TS lượt người điều trị ngoại trú	125.790	146.141	207.433
Tổng số lần khám	625.106	714.743	767.501
Tổng số sanh	44.675	51.244	39.663
Tổng số ca phẫu thuật	36.494	38.704	34.114
Tổng số ca thủ thuật	79.765	84.361	79.676
TS lần xét nghiệm	3.476.622	3.853.59	4.278.98
TS lần X - quang	50.989	9	9
TS lần siêu âm	341.764	52.767	52.293
		392.784	482.272

2.2 Hợp tác quốc tế - nghiên cứu khoa học – chỉ đạo tuyến.

Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh, công tác chỉ đạo tuyến cũng đã được bệnh viện triển khai từ tỉnh đến huyện, xã, thôn bản... giám sát hỗ trợ chuyên môn đào tạo nâng cao trình độ cán bộ chuyên môn tuyến tỉnh và huyện có đủ khả năng, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh tại địa phương. Triển khai Đề án 1816/QĐ- BYT về cử cán bộ chuyên môn luân phiên từ tuyến trên về hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật mổ nội soi trong phụ khoa, cấp cứu tai biến sản khoa... tại các BV đa khoa Tây Ninh, Trảng Bàng, Đăk Lăk. Trong năm 2008, bệnh viện cũng thường xuyên tổ chức các đoàn khám bệnh ngoại viện tại các Trung Tâm cai nghiện.

Về hợp tác quốc tế, nghiên cứu khoa học: bệnh viện ngày càng có nhiều đối tác hợp tác với các nước bạn trong việc đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các ứng dụng mới trên thế giới tại Việt Nam. Trong năm 2008 bệnh viện đã xúc tiến với Singapore và Nhật Bản thực hiện các nghiên cứu về ung thư phụ khoa gần như đây là những kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới.

Hàng năm bệnh viện tổ chức thực hiện từ 20 đến 30 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ và cấp cơ sở, trong đó có nhiều đề tài được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động chuyên môn.

2.3 Phát triển ứng dụng kỹ thuật chuyên sâu

Bệnh viện Từ Dũ là trung tâm nghiên cứu ứng dụng và triển khai các kỹ thuật về sinh sản hàng đầu tại Việt Nam và một số nước trong khu vực, sau nhiều năm phát triển đến nay bệnh viện đã ứng dụng một số kỹ thuật chuyên sâu như sau:

2.3.1 Điều trị hiếm muộn vô sinh:

- Nhiều kỹ thuật mới phức tạp đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao của Thụ tinh ống nghiệm trên thế giới đã được triển khai hiệu quả tại bệnh viện Từ Dũ như: kỹ thuật ICSI với tinh trùng lấy từ mào tinh (MESA), kỹ thuật ICSI với tinh trùng lấy từ tinh hoàn (TESE), đông lạnh phôi, đông lạnh trứng, chuyển phôi, hỗ trợ phôi thoát màng bằng kỹ thuật laser... đã làm cho kết quả điều trị hiếm muộn gia tăng đáng kể.

2.3.2 Nội soi:

- Bệnh viện Từ Dũ là đơn vị đào tạo phẫu thuật nội soi trong phụ khoa hàng đầu tại Việt Nam, chứng chỉ phẫu thuật nội soi do bệnh viện Từ Dũ cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ phẫu thuật nội soi giai đoạn 1 của đại học Auvergne - Clermont Ferrand (Pháp) cấp có giá trị trên toàn Châu Âu, hiện tại bệnh viện đã thực hiện hầu hết các kỹ thuật nội soi đơn giản trong phụ khoa và từng bước áp dụng một số kỹ thuật khó như nội soi và thai kỳ, nội soi trong ung thư như:
 - Áp dụng phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng trong thai kỳ.
 - Cắt đốt nội mạc tử cung trên bệnh nhân rong kinh, rong huyết.
 - Cắt rộng tử cung và thám sát hạch trong ung thư phụ khoa.

2.3.3 Sơ sinh:

- Cứu sống được nhiều trường hợp bệnh nặng, làm giảm đáng kể tỉ lệ tử vong sơ sinh. Đặc biệt là các trẻ có APGAR thấp, trẻ có bệnh lý bẩm sinh.

	Số ca vô	Tỉ lệ tử vong đã trừ đa dị tật, bỏ thai 2010	Tỉ lệ tử vong đã trừ đa dị tật, bỏ thai 2009
< 1000 g	161	71 (47%)	90 (58%)
1000-1499 g	560	81 (14.46%)	102 (16,26%)
1500 -1999g	1156	35 (3,02%)	27 (2,09%)
2000 -2499	2272	8 (0,35%)	10 (0,37%)
>=2500 g	10291	312(0,11%)	20 (0,22%)
TV chung	14430	207 (1,43%)	249 (1,82%)

- Phối hợp với các bệnh viện chuyên khoa Nhi để chẩn đoán và xử trí sớm các trường hợp đặc biệt.

2.3.4 Di truyền - sinh học phân tử

- Cơ sở vật chất và thiết bị, khoa được trang bị khá đồng bộ và hiện đại nhất so với các bệnh viện khác trong cả nước về xét nghiệm di truyền y học như: hệ thống nuôi cấy tế bào, máy nhân gen, phân tích gen, định lượng gen, giải trình tự gen, hệ thống dị tìm - phân tích NST tự động, hệ thống xét nghiệm sàng lọc tự động.
- Chuyên môn, khoa hiện có 4 bộ phận chính gồm: di truyền tế bào, di truyền phân tử, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn di truyền. Các bộ phận này thực hiện các xét nghiệm chuyên sâu như: xét nghiệm nhiễm sắc thể, xét nghiệm gen gây bệnh thalassemia, hemophilia, AZF, SRY, Duchene, sẩy thai liên tiếp, hội chứng Di George, Hội chứng UPD, nhiễm Human papillomavirus, sàng lọc trước sinh double test và triple test, sàng lọc sơ sinh thiếu G6PD,

suy giáp trạng bẩm sinh và tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh.
 Kết quả hoạt động được mô tả ở bảng 1.

- Đào tạo huấn luyện: khoa là nơi đào tạo, thực hành cho sinh viên, bác sĩ, học viên cao học, nghiên cứu sinh; đào tạo chuyên giao kỹ thuật cho nhiều bệnh viện, trường đại học và đơn vị y tế trên cả nước.

Kết quả hoạt động chuyên môn của Khoa XNDTYH.

Loại xét nghiệm	Năm hoạt động	Tổng số	Bất thường
Sàng lọc sơ sinh tại Từ Dũ	2002 - 2009	287.412 b	Thiếu G6PD: 4.109 b NGBS: 53 b TSTTT: 5 b (5/3218)
Sàng lọc sơ sinh dự n TCDS	2007 - 2010	71.944	Thiếu G6PD: 1.095 b NGBS: 12 b
Triple test	2008 - 2009	30.402 người	3.281 người
Double test	2008 - 2009	13.062 người	792 người
Karyotype mu	1999 - 2009	18.514 người	1.277 người
Karyotype ối	1986 - 2009	8.795 thai	450 thai
HPV	2005 - 2009	6.954 người	2.424 người
Thalassemia	2006 - 2009	1.124 (thai 227)	49 thai

2.3.5 Chẩn đoán tiền sản:

- Thành lập và từng bước triển khai đề án ứng dụng MRI tại bệnh viện trong các bệnh lý sản phụ khoa đặc biệt phục vụ cho công tác chẩn đoán tiền sản.

3. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020

3.1 Chung

- Xây dựng và phát triển bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Sản - Nhi hiện đại trong khu vực Đông Nam Á.

3.2 Cụ thể

- Phát triển khuôn viên bệnh viện phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh theo đúng qui định của pháp luật.

- Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn – quản lý đáp ứng được nhu cầu triển khai các kỹ thuật, phương pháp mới tại bệnh viện.
- Nghiên cứu ứng dụng và từng bước triển khai các phương pháp, kỹ thuật lâm sàng, cận lâm sàng tiên tiến trong công tác khám chữa bệnh, tập trung vào các lĩnh vực:
 - Điều trị vô sinh - hiếm muộn.
 - Chăm sóc sơ sinh cực non.
 - Di truyền y học.
 - Ung thư phụ khoa.
 - Tạo hình thẩm mỹ.
- Thành lập trung tâm huấn luyện nội soi cho các nước trong khu vực.
- Từng bước triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và khám chữa bệnh.

4. NỘI DUNG THỰC HIỆN

4.1 Phát triển khuôn viên bệnh viện phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh.

- Giai đoạn 2010 – 2011
 - Đầu tư xây dựng Khu Kỹ thuật chăm sóc sức khỏe sinh sản tại cơ sở 191 Nguyễn Thị Minh Khai có quy mô 02 tầng hầm, 01 trệt và 11 lầu với diện tích sàn xây dựng là 21.500 m² và khu xạ trị có quy mô 04 tầng với diện tích sàn xây dựng 12.200 m². Do đó, tổng diện tích sàn xây dựng dự kiến là 23.700 m².
- Giai đoạn 2012 – 2015
 - Tháo dỡ hai khu B,C để xây dựng mới với quy mô 1 hầm, 1 trệt, 9 lầu với diện tích sàn sử dụng 124.314 m² trên nền công trình cũ. Việc xây dựng khu B - C mới có thể bố trí khoảng 400 – 450 giường bệnh nội trú và các khoa cận lâm sàng (Dược, Xét nghiệm, GPB- tế bào, Di truyền...) nhằm phục vụ cho công tác chuyên môn. Việc xây dựng khu B sẽ được thực hiện trước và

xây dựng Khu C sau để đảm bảo việc ổn định công tác chuyên môn.

- Giai đoạn 2016 – 2020

- Bên cạnh công tác đầu tư tại chỗ, dự kiến đến năm 2016 sẽ mở rộng đầu tư cơ sở 2 với quy mô 500 giường tại cụm y tế cửa ngõ của thành phố.
- Sau khi hoàn tất việc đầu tư xây dựng các công trình mới, bệnh viện tiến hành tháo dỡ các khu phụ trợ để quy hoạch thành các vườn hoa, cây xanh nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn TCVN 4470:1995 về yêu cầu thiết kế như: Mật độ xây dựng: từ 30 - 45% diện tích đất; Diện tích cây xanh trong bệnh viện: từ 40 - 50% diện tích đất (trong thành phố được phép có mật độ cây xanh là 30%); Diện tích đường giao thông nội bộ: từ 20 - 30% diện tích đất.

4.2 Phát triển đội ngũ cán bộ y tế có trình độ chuyên môn – quản lý.

Đáp ứng nhu cầu triển khai một số phương pháp, kỹ thuật hiện đại triển khai tại bệnh viện trong giai đoạn 2011 – 2020, bệnh viện dự trù nguồn nhân lực trong giai đoạn này như sau:

Nội dung	31/12/2010	Đến 15/5/2011	2015	2020	2025
Giáo sư – PGS	1	1	1	2	2
Tiến sĩ bác sĩ	5	5	11	14	18
Thạc sĩ bác sĩ	46	45	60	75	90
Bs. Chuyên khoa 2	40	37	40	45	45
Bs. Chuyên khoa 1	101	102	105	110	110
Bc sĩ	103	107	93	84	85
Tổng cộng	296	297	310	330	350

Tổ chức các khóa học tập trung và cử đào tạo cá thể về chuyên môn, nghiệp vụ ngoại ngữ nhằm đảm bảo chỉ tiêu:

- 100% Ban giám đốc có chứng chỉ quản lý bệnh viện hoặc quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính và có trình độ ngoại ngữ C hoặc tương đương.
- Trên 50% các trưởng phó phòng chức năng có trình độ sau đại học.
- Trên 50% các trưởng phó khoa/phòng có trình độ ngoại ngữ C trở lên.
- Đảm bảo 70% bác sĩ chuyên môn tại bệnh viện có trình độ sau đại học.

4.3 Triển khai ứng dụng các kỹ thuật, phương pháp hiện đại.

4.3.1 Hiếm muộn vô sinh

- Xây dựng qui trình khám và điều trị mang tính khoa học hiện đại.
- Xây dựng phác đồ điều trị thống nhất về hiếm muộn vô sinh, cập nhật với thế giới và mang tính ứng dụng cao.
- Đảm bảo 100% bác sĩ hiếm muộn có kiến thức nền sản phụ khoa và siêu âm.
- Phát triển nam khoa (tiến hành tại bệnh viện: siêu âm trực tràng, siêu âm bìu, sinh thiết tinh hoàn, PESA, TESE, phẫu thuật dẫn tinh mạch thừng tinh).
- Trang bị phòng lab giảng dạy hiện đại, chuẩn hóa tài liệu đào tạo, xin mã số đào tạo về IUI, IVF.

4.3.2 Nhi sơ sinh

- Hoàn chỉnh các kỹ thuật chăm sóc trẻ sơ sinh cực non:
 - Xây dựng và phát triển chương trình khám tầm soát bệnh lý võng mạc cho trẻ sinh non tại bệnh viện.
 - Xây dựng và phát triển chương trình khám tầm soát thích lực cho trẻ sinh non tại bệnh viện.

- Xây dựng đơn vị khám theo dõi và điều trị sớm cho các trẻ sơ sinh có nguy cơ tàn tật: bác sĩ sơ sinh – bác sĩ tâm lý – KTV vật lý trị liệu.
- Trang bị trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh:
 - Máy khám đáy mắt và máy Laser quang đông.
 - Máy đo thính lực trẻ sơ sinh.
 - Hệ thống monitor trung tâm.
 - Máy siêu âm màu có đầu dị nhi sơ sinh.

4.3.3 Ung bướu phụ khoa

- Giải quyết tất cả các bệnh về ung thư phụ khoa theo chu trình khép kín: phẫu thuật, hóa trị, xạ trị, điều trị nội tiết.
- Thành lập Phân khoa nhũ với qui mô 100 giường: tiếp nhận 200 – 400 trường hợp ung thư vú và 500 trường hợp bệnh lý tuyến vú lành tính và thẩm mỹ vú hàng năm.
- Thành lập khu xạ trị: để phục vụ các bệnh nhân ung thư vú và các ung thư phụ khoa khác.

4.3.4 Tạo hình thẩm mỹ

- Xây dựng qui trình, phác đồ chặt chẽ về các chỉ định tạo hình thẩm mỹ.
- Đào tạo, củng cố kỹ năng tư vấn cũng như phẫu thuật cho đội ngũ cán bộ tham gia đơn vị thẩm mỹ.
- Từng bước triển khai các kỹ thuật cao tại bệnh viện:
 - Tạo hình đường âm đạo trong dị tật bẩm sinh đường sinh dục nữ.
 - Tạo hình thẩm mỹ cơ quan sinh dục ngoài trước và sau sinh.
 - Phát triển thẩm mỹ vùng mặt.
 - Triển khai nội khoa thẩm mỹ.
 - Ứng dụng tế bào gốc trong tạo hình thẩm mỹ.

- Giải quyết các trường hợp dị tật bẩm sinh liên quan đến giới tính và chuyển đổi giới tính.

4.3.5 Di truyền y học

- Nâng cao năng lực sàng lọc trước sinh dựa trên các kỹ double test, triple test và kỹ thuật khác trên mẫu huyết thanh. Tiến đến sử dụng mẫu máu mẹ trên giấy thấm khô.
- Nâng cao năng lực, mở rộng các loại bệnh được sàng lọc sơ sinh cho TPHCM và các tỉnh thành phía Nam. Triển khai các kỹ thuật sắc ký khí khối ghép phổ và các kỹ thuật phù hợp khác.
- Triển khai các kỹ thuật và phương pháp chẩn đoán trước sinh hiện đại. Tiến đến sử dụng các phương pháp chẩn đoán không xâm lấn an toàn, chính xác và thuận lợi ở giai đoạn sớm của thai kỳ.
- Triển khai và mở rộng sàng lọc, chẩn đoán trước sinh bệnh di truyền lưu hành phổ biến trong quần thể người Việt Nam như: thalassemia, hemophilia cho TPHCM và các tỉnh thành phía nam
- Hoàn thiện kỹ thuật chẩn đoán di truyền trước làm tổ. Tiến đến thành lập và phát triển đơn vị Single cell lab chuyên nghiên cứu – chẩn đoán gen trên 1 tế bào duy nhất.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu và chẩn đoán phòng ngừa về nghiên cứu ung thư, các rối loạn phát triển tâm thần và các bệnh về gen.
- Đẩy mạnh phát triển và đào tạo nhân lực chuyên môn sâu phù hợp, hợp tác trong nước và quốc tế về nghiên cứu khoa học, ứng dụng và xây dựng chương trình sức khỏe.

4.4 Thành lập trung tâm huấn luyện nội soi

- Chuẩn bị cơ sở vật chất:
 - Máy thực tập nội soi trên động vật.
 - Hệ thống tích hợp vi tính trong đào tạo phẫu thuật nội soi.
- Chuẩn bị tư liệu:
 - Chương trình đào tạo chuẩn (đối tượng trong nước và quốc tế).

- Nội dung đào tạo:
 - Cơ bản.
 - Nâng cao theo từng yêu cầu cụ thể.

4.5 Ứng dụng công nghệ thông tin trong bệnh viện

- Đầu tư nâng cấp và bổ sung thêm hệ thống thiết bị tin học hiện có tại đơn vị.
- Tăng cường ứng dụng và khai thác công nghệ thông tin vào công tác quản lý.
- Nâng cao hiệu suất hoạt động trong việc trao đổi thông tin và tăng cường sự giám sát của lãnh đạo trong các hoạt động quản lý tại đơn vị.
- Tạo nền tảng hạ tầng cho việc triển khai các đề án phần mềm ứng dụng tại đơn vị.
- Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện chuyên ngành sản phụ khoa.

5. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

5.1 Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiện toàn tổ chức và nhân lực.

- Nâng cao năng lực quản lý, lập kế hoạch dài hạn, ngắn hạn trong các lĩnh vực hoạt động trình các cấp thẩm quyền phê duyệt...
- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực y tế, thực hiện quản lý các hoạt động của bệnh viện bằng quy định và quy chế ngành đi đôi với việc tăng cường thanh kiểm tra, giám sát hoạt động các khoa phòng.
- Thực hiện ISO trong công tác quản lý.
- Cũng cố hoàn thiện hệ thống tổ chức, thực hiện chính sách cơ chế quản lý chất lượng, an toàn và hiệu quả trên tất cả các mặt hoạt động của bệnh viện.

- Tiêu chuẩn hoá cán bộ y tế theo tiêu chuẩn ngành, lập đề án quy hoạch đào tạo cán bộ y tế đảm bảo số lượng cán bộ, đặc biệt là cán bộ sau đại học, đào tạo chuyên sâu đáp ứng nhu cầu ứng dụng và phát triển khoa học kỹ thuật của bệnh viện.

5.2 Giải pháp về đầu tư

5.2.1 Tiến trình đầu tư:

- Cải tạo hệ thống kỹ thuật hạ tầng, đặc biệt là các công trình ngầm (hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, thông tin liên lạc....)
- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể, tiến hành cải tạo các công trình với điều kiện công tác cải tạo không làm ảnh hưởng nhiều tới các hoạt động của bệnh viện.
- Chuyển dời các bộ phận chức năng về các vị trí hoạch định, đồng thời với việc tháo dỡ các công trình nhỏ không còn phù hợp.
- Cải tạo hệ thống sân, đường giao thông, cây xanh và các kiến trúc nhỏ khác.

5.2.2 Nguồn vốn đầu tư:

- Theo nội dung đề xuất của báo cáo quy hoạch bệnh viện Từ Dũ, thì tổng số vốn đầu tư ước tính cho tất cả các giai đoạn là : 650.000.000.000 đồng.
 - Đối với các hạng mục xây dựng là: 450.000.000.000 đồng. Được đầu tư theo từng giai đoạn phát triển của bệnh viện và với cơ cấu nguồn vốn dự kiến là: 50% vốn ngân sách đầu tư; 50% vốn kích cầu. Nguồn vốn đầu tư cho các dự án sẽ được tính toán cho các hạng mục (xây dựng, thiết bị, đào tạo chuyên môn...) từ các nguồn vốn (ngân sách, vay kích cầu, viện trợ, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp...) theo khả năng thích hợp của từng giai đoạn đầu tư. Tuy nhiên, bệnh viện là một đơn vị hành chính sự nghiệp phục vụ sức khỏe cho các đối tượng là sản, phụ, nhi khoa nên bệnh viện đề nghị được ưu tiên đầu tư từ

các nguồn vốn ngân sách, kích cầu có hỗ trợ lãi vay từ ngân sách.

- Đối với các hạng mục mua sắm trang thiết bị là: 200.000.000.000 đồng
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn kích cầu, vốn ngân sách.
- Bệnh viện sẽ tính toán cụ thể về cơ cấu nguồn vốn trong quá trình đầu tư từ nguồn ngân sách hoặc nguồn vay kích cầu nhằm đảm bảo tính khả thi của từng dự án.

5.3 Giải pháp về cơ chế chính sách

- Thực hiện xã hội hóa và dựa một phần vào nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, phát triển bệnh viện Từ Dũ thành bệnh viện chuyên khoa Phụ Sản hiện đại vào năm 2020 với quy mô 1.200 giường bệnh.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế chuyên sâu giỏi khoa học kỹ thuật ngang bằng với các nước trong khu vực và có phẩm chất đạo đức tốt để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt hiệu quả cao nhất.
- Đầu tư trang thiết bị hiện đại để thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng thành công các kỹ thuật, các thành tựu khoa học kỹ thuật mới của thế giới, nhằm giữ vai trò chủ đạo của bệnh viện trong ngành sản phụ khoa, không để tụt hậu so với khu vực và thế giới.
- Tăng cường công tác thực hiện các dịch vụ chăm sóc sức khỏe căn bản, giúp đỡ các tỉnh phát triển các chuyên khoa sâu, chuyên giao công nghệ nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo niềm tin cho người dân tại địa phương, góp phần giảm tải lượng bệnh đổ về tuyến thành phố, đồng thời cũng giảm chi phí điều trị, tiết kiệm thời gian, mang lại lợi ích sức khỏe cho người dân và thúc đẩy xã hội phát triển.
- Xây dựng và thực hiện giá thu viện phí phù hợp trên cơ sở tính đúng, tính đủ, nhưng có chính sách cho các đối tượng chính sách

và người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, thực hiện hạch toán tự thu chi theo Nghị định 43 của Chính phủ; thực hiện tốt Luật Bảo hiểm y tế.

Trên cơ sở đó, góp phần thực hiện thành công chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản của Bộ Y tế đã được chính phủ phê duyệt.

Về sự phối hợp của quy hoạch phát triển bệnh viện Sản với quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất ngành y tế đến năm 2020 đã được Ủy Ban Nhân Dân Thành phố phê duyệt tại quyết định số 165/2004/QĐ-UB ngày 02/7/2004 về quy hoạch phát triển mạng lưới cơ sở vật chất thành phố Hồ Chí Minh.

6. TẦM NHÌN PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025

- Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và chất thải lỏng tại bệnh viện Từ Dũ.
- Thành lập trung tâm huấn luyện đào tạo cho 32 tỉnh/thành phố phía nam có thể đào tạo các chương trình tương đương trình độ sau đại học ở các trường Y dược.

7. KẾT LUẬN:

Với chức năng nhiệm vụ là bệnh viện đầu ngành về sản phụ khoa và là tuyến cuối cho tất cả các bệnh viện phụ sản từ Đà Nẵng đến Cà mau tiếp nhận trung bình trên 700.000 lượt khám chữa bệnh hàng năm, cơ sở vật chất được xây dựng từ năm 1937, đến nay nhiều hạng mục đã cũ, xuống cấp và thiếu, không đáp ứng được yêu cầu về phòng ốc cho bệnh nhân, cho việc triển khai các hoạt động chuyên môn. Vì vậy, công tác quy hoạch phát triển bệnh viện Từ Dũ là rất cần thiết làm cơ sở cho việc xây dựng các dự án phát triển đầu tư về cơ sở vật chất cũng như chuyên môn nghiệp vụ của bệnh viện trong những năm sau này./.

KT.GIÁM ĐỐC
Phó giám đốc

(đã ký)

BS Lê Quang Thanh